

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH LONG AN**

- 1 -  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HS-ST

Ngày: 15 – 10 – 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hữu Lộc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Thành Phương;

2. Bà Ngô Hồng Điệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

**- Đại D1 Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2021/TLST-HS ngày 18/5/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

- Phạm Văn Th, tên gọi khác: không, sinh năm: 1986, tại Thành phố H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 857/64, đường H, Ấp 6, xã Ph, huyện Nh, Thành phố H; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn H, sinh năm: 1946 (đã chết) và bà Đoàn Thị X, sinh năm: 1950; chung sống như vợ chồng (không có đăng ký kết hôn) với: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1995; có sinh một người con năm 2021 (chưa đăng ký khai sinh); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã và tạm giam từ ngày 01/3/2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:**

1. Anh Đỗ Thành D, sinh năm: 1974 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2. Anh Nguyễn Hải M, sinh năm: 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L1, huyện C, tỉnh Long An.

**- Người làm chứng:** Chị Phạm Thị Thiên H, sinh năm: 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (Hiện nay đang chấp hành án tại trại giam Th).

- 2 -  
**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, từ ngày 14/4/2017 đến ngày 15/4/2017, các đối tượng Nguyễn Thanh T, Phạm Quốc Kh, Phan Hoàng T1 và Phạm Văn Th đã thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 23 giờ ngày 13/4/2017, Phạm Quốc Kh điện thoại rủ Nguyễn Thanh T, Phan Hoàng T1 và Phạm Văn Th đi trộm xe bán lấy tiền tiêu xài, tất cả đồng ý. Khi đi, T chở T1 bằng xe Wave của T không rõ biển kiểm soát, Th chở Kh bằng xe Hayate của Th (không nhớ biển kiểm soát). Cả nhóm đi từ huyện Nh, Thành phố H đến địa bàn huyện C, tỉnh Long An. Khi đến trước nhà anh Đỗ Thành D, ngụ ấp T, xã L (lúc này khoảng 01 giờ sáng) thì nhìn thấy có 02 xe mô tô dựng trước nhà, tất cả dừng lại. T1 và Th đứng ngoài cảnh giới. Kh và T đến mở cửa cổng rào (cổng không có khóa), đột nhập vào khuôn viên nhà anh D, lợi dụng không có ai, T đến lấy xe mô tô Honda Wave RS biển kiểm soát 62K6 - 5530 (do anh D đứng tên) đưa cho T1, Kh lấy xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 54T2 - 3551 (anh D mua của người khác nhưng chưa sang tên) đưa cho Th (chìa khóa xe gắn trên ổ khóa xe). Lấy được xe, T điều khiển xe của T, Kh điều khiển xe của Th về nhà trọ. Th và T1 điều khiển 02 xe mô tô trộm được đến cửa khẩu M, tỉnh Tây Ninh, sang Campuchia gặp Phạm Thị Thiên H nhờ H bán xe. H không đồng ý và kêu ra tiệm cầm đồ (không rõ tên, địa chỉ) bán xe, Th bán 02 xe với giá 7.000.000 đồng, rồi nhờ H chuyển tiền về cho T qua thẻ ATM của D1, T chia cho mỗi người được 1.750.000 đồng, sử dụng tiền tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận số 36/KL-HĐĐGTS ngày 10/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: giá trị còn lại của 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave RS, biển kiểm soát 62K6 - 5530 là 5.370.000 đồng; 01 (một) xe Honda Wave, biển kiểm soát 54T2 - 3551 là 6.960.000 đồng. Tổng cộng trị giá là 12.330.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 00 giờ ngày 15/4/2017, Nguyễn Thanh T điện thoại rủ Phạm Văn Th, Phạm Quốc Kh, Phan Hoàng T1 đi trộm xe mô tô, tất cả đồng ý. Cả nhóm đi trên hai xe mô tô, T chở T1 bằng xe Wave của T, Th chở Kh bằng xe Hayate của Th, đi từ xã H, huyện Nh, Thành phố H đến địa bàn huyện C, tỉnh Long An. Khi đến trước nhà anh Nguyễn Hải M ngụ ấp Đ, xã L1 thì dừng lại. T trèo qua hàng rào nhà anh M, nhìn thấy một xe mô tô Honda Airblade biển kiểm soát 52X5 - 2160 (anh M mua người khác chưa sang tên) và một xe mô tô Honda Lead biển kiểm soát 62L1 - 058.34 (xe của anh M do em ruột tên Nguyễn Thị Minh Th đứng tên giao cho anh M quản lý, sử dụng) dựng ở phía sau nhà. T trèo ra ngoài và nói với Kh trong nhà có xe, Kh lấy 01 (một) mũ lệch đem theo sẵn, dùng mũ lệch bấm ổ khóa, mở cửa rào cho T vào. T dẫn xe mô tô biển kiểm soát 52X5-2160, Kh dẫn xe mô tô biển kiểm soát 62L1 - 058.34 ra bên ngoài. T dùng đoạn bằng kim loại mở khóa hai xe, giao xe cho Th và T1 mỗi người 01 chiếc điều khiển đến cửa khẩu M, tỉnh Tây Ninh, sang Campuchia đem đến tiệm cầm đồ

không rõ bảng hiệu và địa chỉ bán được 5.000.000 đồng, Th đem về đưa cho T, T chia mỗi người được 1.250.000 đồng, sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại kết luận số 33/KL-HĐĐGTS ngày 07/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: giá trị còn lại của 01 (một) xe mô tô hiệu xe Honda Lead biển kiểm soát 62L1-058.34 là 18.030.000 đồng; 01 (một) xe Honda Airblade biển kiểm soát 52X5-2160 là 14.292.000 đồng. Tổng cộng trị giá là 32.322.000 đồng.

- **Cáo trạng số:** 15/CT-VKSCD ngày 17 tháng 5 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Phạm Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn Th khai nhận hành vi của bị cáo đúng với Kết luận điều tra và Cáo trạng. Viện kiểm sát truy tố bị cáo tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, không oan sai. Bị cáo Th tự nguyện nộp lại số tiền mà mình được chia là 3.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại. (Trong đó anh Đỗ Thành D là 1.750.000 đồng; anh Nguyễn Hải M là 1.250.000 đồng).

- Chủ tọa công bố lời khai của những người vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo thống nhất, không có ý kiến gì khác.

- Trong quá trình điều tra bị hại Đỗ Thành D và Nguyễn Hải M yêu cầu các bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại xảy ra.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Phạm Văn Th đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Qua phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt Phạm Văn Th từ 02 năm đến 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

Xử lý vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 585, 587 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Ghi nhận bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại.

- Ý kiến của bị cáo đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát: Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng, không bị oan sai. Bị cáo tự nguyện bồi thường cho anh D số tiền là 1.750.000 đồng, bồi thường cho anh M là 1.250.000 đồng.

- Lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều

tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Xét về nội dung vụ án: Bị cáo Phạm Văn Th là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên từ ngày 14/4/2017 đến ngày 15/4/2017, tại địa bàn xã L và xã L1, huyện C, tỉnh Long An. Bị cáo Phạm Văn Th cùng với đồng phạm (Phạm Quốc Kh, Nguyễn Thanh T, Phan Hoàng T1) thực hiện 02 vụ trộm cắp 04 xe mô tô với tổng giá trị tài sản thiệt hại là 44.652.000 đồng.

Tại khoản 2, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định như sau:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;”

Như vậy, hành vi của bị cáo Phạm Văn Th đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định điểm a, khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

*(Thời điểm bị cáo và đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội là thời điểm Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đang có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử hiện nay thì Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đang có hiệu thi hành và tội “Trộm cắp tài sản” được quy định hình phạt nhẹ hơn. Do đó, căn cứ điểm b, mục 1, Điều 2, Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/7/2017 của Quốc Hội thì Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 được áp dụng).*

[3] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn Th thực hiện 02 lần hành vi phạm tội nên phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn Th thành khẩn khai báo, khắc phục một phần hậu quả, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 tại Điều 51. Bộ luật hình sự.

[5] Xét về hình phạt:

[5.1] Xét về hình phạt chính: Hành vi của bị cáo Phạm Văn Th và đồng phạm là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo nhận biết tài sản hợp pháp của người khác là do công sức lao động làm ra được pháp luật bảo vệ. Việc lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, bị cáo lén lút chiếm đoạt là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần xử phạt nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đây là vụ án đồng phạm có tổ chức, mặc dù các bị cáo (Nguyễn Thanh T, Phạm Quốc Kh, Phan Hoàng T1 đã được xét xử trước đây) không thừa nhận có sự bàn bạc từ trước, không có sự phân

công vai trò, cấu kết chặt chẽ nhưng qua các vụ trộm đã thực hiện, có cùng phương thức thủ đoạn, lặp đi lặp lại theo quy luật, có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo có sự cấu kết với nhau trong việc thực hiện tội phạm. Trong đó, Nguyễn Thanh T và Phạm Quốc Kh là các bị cáo chủ mưu, cầm đầu và rủ rê các bị cáo khác nên phải chịu mức hình phạt cao nhất (Đã được xét xử tại Bản án số 17/2020/HS-ST ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện C). Đối với bị cáo Phạm Văn Th và Phan Hoàng T1 đã giúp sức tích cực cho bị cáo T và Kh 02 lần để chiếm đoạt tài sản với số tiền là 44.600.000 đồng nên phải chịu hình phạt tương xứng với thiệt hại xảy ra. Do bị cáo Phan Hoàng T1 có nhân thân xấu hơn bị cáo Phạm Văn Th nên mức hình phạt cao hơn (đã được xét xử tại Bản án số 17/2020/HS-ST ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện C). Đối với bị cáo Phạm Văn Th (khi biết các bị cáo khác bị bắt), bị cáo Th đã bỏ trốn (từ năm 2017 đến ngày 01 tháng 03 năm 2021 mới bị bắt). Điều này gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố và xét xử của các cơ quan tố tụng và thể hiện là bị cáo không có ăn năn hối cải. Do đó, cần xử phạt nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5.2] Xét về hình phạt bổ sung: Đối với tội trộm cắp tài sản, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, hiện nay bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C đề nghị tuyên bố bị cáo Phạm Văn Th phạm tội "Trộm cắp tài sản" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị mức xử phạt từ 02 năm đến 03 năm tù là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ghi nhận bị cáo tự nguyện bồi thường cho anh Đỗ Thành D là 1.750.000 đồng, anh Nguyễn Hải M là 1.250.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 17/2020/HS-ST ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện C.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[1] Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn Th phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[2] Xử phạt bị cáo Phạm Văn Th 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/3/2021.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Văn Th 45 ngày kể từ ngày tuyên án (15/10/2021) để đảm bảo thi hành án.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ghi nhận bị cáo Phạm Văn Th bồi thường cho anh Đỗ Thành D là 1.750.000 đồng, anh Nguyễn Hải M là 1.250.000 đồng. Số tiền này hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo Biên lai thu tiền số 0007150 ngày 18/5/2021.

[4] Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn Th phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

[6] Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNV liên quan (nếu có);
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Cơ quan CSĐT CA huyện C;
- Cơ quan THA Hình sự;
- Cơ quan THA dân sự huyện C;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Hữu Lộc**